TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 324/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 06 năm 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 6 và 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 321/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:**

- Người yêu cầu 01: Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 28, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người yêu cầu 02: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 28, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân K và bà Ngô Thị T kết hôn vào năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 77, quyển số 01 ngày 10 tháng 11 năm 2000. Căn cứ các Điều 5, 6 và 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn Xuân K và bà Ngô Thị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông K và bà T có 02 người con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 03 tháng 10 năm 2001 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2011. Ly hôn, ông K và bà T thống nhất giao cháu M và cháu T cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng. Cộng chung hai cháu là 5.000.000/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi con trưởng thành và có

khả năng tự lao động. Ông K được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông K và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông K và bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông K và bà T mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004106 ngày 26 tháng 02 năm 2019, Ông K và bà T đã nộp đủ tiền lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân K và bà Ngô Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông K và bà T có 02 người con chung tên Nguyễn Nhật M sinh ngày 03 tháng 10 năm 2001 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2011.

Giao cháu M và cháu T cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng. Cộng chung hai cháu là 5.000.000/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi con trưởng thành và có khả năng tự lao động.

Ông K được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông K và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông K và bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông K và bà T mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004106 ngày 26 tháng 02 năm 2019, Ông K và bà T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- THA DS TP. B;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng Phương